

Hoài Đức, ngày 14 tháng 3 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh L.V.H**, sinh năm 1984; Nơi ĐKTT: Thôn Y.V, xã K.C, huyện H.Đ, thành phố H.N.

- **Chị T.T.N.H**, sinh năm 1983; Nơi ĐKTT: Thôn Y.V, xã K.C, huyện H.Đ, thành phố H.N

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh L.V.H và chị T.T.N.H lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2011 trên cơ sở tự nguyện, tại UBND xã C.T, huyện Y.D, tỉnh B.G trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị H thực sự trầm trọng, nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh L.V.H và chị T.T.N.H có 02 (hai) con chung là cháu L.M.V, sinh ngày 10/3/2012 và cháu L.M.T, sinh ngày 15/5/2017. Khi ly hôn, anh

chị thỏa thuận giao anh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu L.M.V; giao chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu L.M.T kể từ khi Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh L.V.H và chị T.T.N.H có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh L.V.H và chị T.T.N.H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh L.V.H và chị T.T.N.H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị T.T.N.H tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Sự tự nguyện của chị H là phù hợp nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh ngày 06 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L.V.H và chị T.T.N.H cùng thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Giao cháu L.M.V 10/3/2012 cho anh L.V.H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng tHnh (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao cháu L.M.T, sinh ngày 15/5/2017 cho chị T.T.N.H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác .

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh L.V.H và chị T.T.N.H có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[1.3] Về tài sản chung: Anh L.V.H và chị T.T.N.H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4] Về nợ chung: Anh L.V.H và chị T.T.N.H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị T.T.N.H tự nguyện chịu cả số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0038919 ngày 28/02/2025 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Hoài Đức.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *TAND TP H Nội;*
- *VKSND huyện Hoài Đức;*
- *Chi cục THADS huyện Hoài Đức;*
- *UBND Cảnh Thủy, h. Yên Dũng, Bắc Giang (GCN số 01 ngày 14/01/2011);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Cao Thu Hoài